

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRẺ KHUYẾT TẬT NGÔN NGỮ

• NGUYỄN THỊ KIM HIỀN

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Ngày 23 tháng 5 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký quyết định: Quy định về thực hiện giáo dục hoà nhập đại trà cho trẻ khuyết tật (TKT) trong cả nước (5). Để có được quyết định này, trước đó ngành Giáo dục đã có nhiều nghiên cứu, chương trình, dự án... về giáo dục TKT. Theo đó, TKT đã được tham gia học tập trong nhiều loại hình giáo dục khác nhau, như: Giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập (còn gọi là bán hoà nhập) và giáo dục hoà nhập. Cho đến nay, giáo dục hoà nhập (GDHN) đã trở thành hướng lựa chọn chính và thực hiện đại trà. Tuy nhiên, các loại hình (hay mô hình) giáo dục vẫn tiếp tục phát triển. Riêng mô hình Giáo dục chuyên biệt đã và đang dần trở thành các Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục TKT. Dù ở mô hình hay loại hình giáo dục nào, thì việc hiểu biết rõ về từng dạng tật ở trẻ cũng là điều quan trọng và cần thiết để từ đó giáo viên lựa chọn phương pháp dạy học và khắc phục khuyết tật cho phù hợp và có hiệu quả. Dưới đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một số vấn đề về trẻ khuyết tật ngôn ngữ.

1. Vấn đề về thuật ngữ trong nghiên cứu và dạy học

Cũng như ở các dạng khuyết tật khác, vấn đề thuật ngữ được dùng ở chuyên ngành nghiên cứu về trẻ khuyết tật ngôn ngữ luôn là vấn đề được đề cập đầu tiên. Mỗi người gọi khó khăn ngôn ngữ ở trẻ theo một cách khác nhau: khiếm khuyết ngôn ngữ, khuyết tật ngôn ngữ, khó khăn về nói, khó khăn về giao tiếp, khó khăn về ngôn ngữ, khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp... Trong xã hội, lại có một cách gọi khác. Cách gọi này, dễ gây mặc cảm, tự ti cho trẻ và những người thân trong gia đình trẻ hoặc có tính miệt thị, phân biệt như: ngọng, ú ớ, sứt, sứt môi, câm v.v...

Ở đây, chúng ta chỉ nói đến cách gọi trong nghiên cứu và dạy học cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ. Xét về giá trị ngữ nghĩa, thì các thuật ngữ: Khó khăn ngôn ngữ, khuyết tật ngôn ngữ... có sự khác nhau: Khó khăn ngôn ngữ là mất ít nhiều các yếu tố về ngôn ngữ, khuyết tật ngôn ngữ là những khiếm khuyết trong ngôn ngữ của người

sử dụng. Khó khăn về nói là không có khả năng nói được như người bình thường. Khó khăn về giao tiếp là sự hạn chế hoặc không có khả năng giao tiếp với người khác. Trong giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ, những thuật ngữ này đang được dùng với nội dung như nhau. Nghĩa là cùng biểu thị khiếm khuyết về ngôn ngữ hay khuyết tật ngôn ngữ của trẻ. Nếu chúng ta chọn dùng thuật ngữ Khó khăn về nói gọi trẻ có khó khăn về nói, sẽ bớt đi sự nặng nề của khuyết tật, tránh gây nên những mặc cảm, tự ti hay sự miệt thị đối với các em. Tuy nhiên, thuật ngữ Khó khăn về nói dễ tạo ra cách hiểu, đó là những khiếm khuyết trong ngôn ngữ nói (biểu đạt). Trong giao tiếp, khuyết tật ngôn ngữ không chỉ biểu hiện ở quá trình nói mà còn biểu hiện ở cả quá trình nghe (nghe rõ mà không hiểu) hoặc viết (chứng viết sai) và cả ngôn ngữ không lời (bổ sung làm tăng hiệu quả giao tiếp). Vì thế, thuật ngữ khó khăn về giao tiếp có tính chất bao quát hơn cả. Nhưng trong nghiên cứu và dạy học cho TKT thính giác, lại có những phần chuyên sâu về giao tiếp nên dùng nhiều thuật ngữ về giao tiếp. Vì thế, khi dùng thuật ngữ này sẽ có những điểm trùng với giao tiếp của trẻ khuyết tật thính giác. Mặt khác trong dạy học hoà nhập TKT, chúng ta lại muốn: càng làm giảm nhẹ tính mặc cảm, tự ti ở trẻ bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu và giảm đến không còn nữa là đích cuối cùng. Nên GDHN đã coi khuyết tật của trẻ chỉ còn là những khó khăn: Bạn có khuyết tật, cũng giống như tôi có khó khăn về thời gian hay kinh tế trong gia đình... Thuật ngữ: trẻ (hay học sinh) có khó khăn về ngôn ngữ hoặc khó khăn ngôn ngữ sẽ vừa tránh được sự trùng lặp với giáo dục trẻ khiếm thính (khuyết tật thính giác) vừa bao hàm được cả về ngôn ngữ nói, viết của trẻ và có thể dùng cả ngôn ngữ không lời (ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ), đồng thời cũng tránh được những mặc cảm, tự ti của trẻ và gia đình trẻ. Để bao hàm được nhiều mặt và thuận lợi cho công tác nghiên cứu và dạy học, chúng tôi chọn gọi khuyết tật ngôn ngữ ở trẻ là khuyết tật ngôn ngữ hay khiếm khuyết tật ngôn ngữ.

2. Khái niệm về trẻ khuyết tật ngôn ngữ

2.1. Thế nào là trẻ khuyết tật ngôn ngữ

Khi con người không có hoặc vì lí do nào đó bị giảm thiểu năng sử dụng đúng các yếu tố của ngôn ngữ trong giao tiếp thì sẽ hình thành các khiếm khuyết ngôn ngữ. Những khiếm khuyết này làm người giao tiếp gặp nhiều khó khăn. Trẻ em có những khiếm khuyết này lâu ngày, bền vững thành cố tật và trở thành trẻ có tật ngôn ngữ. Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ngôn ngữ đã có chương trình trợ giúp tích cực để các em khắc phục khuyết tật ngôn ngữ. Do vậy, phải chọn cách hiểu nhất định, chính xác về tật ngôn ngữ ở các em để tiến hành trợ giúp phù hợp và hiệu quả. Trong GDHN TKT, chúng tôi chọn cách hiểu về trẻ khuyết tật ngôn ngữ như sau:

Trẻ khuyết tật ngôn ngữ là trẻ có biểu hiện thiếu hụt hay mất ít nhiều khả năng sử dụng các yếu tố ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp (so với ngôn ngữ chuẩn). Do vậy, trong học tập và giao tiếp hàng ngày, các em gặp khó khăn cần trợ giúp.

Ngôn ngữ chuẩn ở đây được xem xét, mở rộng đến cả ngôn ngữ địa phương. Ví dụ, xét về mặt ngữ âm đơn thuần: Trẻ em miền Nam nói "đi dễ", "mảnh dẻ" là bình thường, người miền Nam nghe hiểu được ngay, đó là ngôn ngữ địa phương. Trẻ em miền Bắc nói như vậy là có khuyết tật ngôn ngữ, bởi các em đã thay âm /v/ bằng âm /d/, người miền Bắc nói: "đi về" và "mảnh vải"...

Mọi ngôn ngữ đều tạo bởi 3 yếu tố: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp nhưng ở Trẻ khuyết tật ngôn ngữ lại có thể thiếu vắng hoặc mất một phần hay toàn phần nào đó của những yếu tố này. Các em nói "con chào cô ạ" thành "on ào ô ạ", đọc tên bài tập đọc lớp 3 "Mùa quả ngọt" thành "ùa ả ột" hoặc nói "con cua càng" thành "ton tua tàng", gọi "quả xoài" thành "cả sài", gọi "cái mũ" là "cá mũ"... hoặc các em chỉ nói được từ đơn, câu ngắn, câu thiếu. Lại có em khi nói cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần 1 từ mà không sao chuyển sang từ khác được. Hoặc để phát ra được 1 từ, có em phải nháy mắt, nghiêng đầu, co vai, rụt cổ hay giật giật cơ má. Có em lại nói ào ào không rõ tiếng... Những khiếm khuyết này đã làm trẻ gặp nhiều khó khăn trong học tập và giao tiếp hàng ngày. Do đó, GDHN TKT đã đặt nhiệm vụ phải hỗ trợ, giúp đỡ các em khắc phục khó khăn.

2.2. Những đặc điểm của trẻ khuyết tật ngôn ngữ

So với trẻ nói ngọng hay nói chưa sôi trong

thời kì tập nói, trẻ khuyết tật ngôn ngữ có những điểm khác ở chỗ: Trong quá trình phát triển ngôn ngữ, các em nói ngọng lâu ngày mà không tự khắc phục được. Các khiếm khuyết này kéo dài, lâu ngày, ổn định và trở thành khuyết tật. Sau này phải có biện pháp chuyên môn mới khắc phục được. Còn trẻ nói chưa sôi trong thời kì tập nói, các em tự khắc phục dần do các bộ phận tham gia cấu âm ngày một hoàn thiện theo thời gian của quá trình tập nói và phát triển cơ thể. Trong quá trình tập nói, tiếng nói của trẻ phát triển từ nói chưa sôi đến nói sôi và ngày càng nói sôi và rõ nét hơn. Qua giai đoạn tập nói trẻ sẽ nói bình thường.

Trẻ khuyết tật ngôn ngữ chỉ có 1 tật ngôn ngữ (còn gọi là đơn tật). Tật đó là tật khởi sinh (sinh ra đầu tiên hay còn gọi là khởi phát) mà không do tật khác sinh ra (thứ sinh hay thứ phát) và không kèm theo tật khác. Trong thực tế, có nhiều trẻ ngoài khuyết tật ngôn ngữ ra còn có thêm những khuyết tật khác như: tật thị giác, tật thính giác, tật trí tuệ hay tật vận động. Những trẻ này, không gọi là trẻ khuyết tật ngôn ngữ mà gọi là trẻ đa tật, hay gọi tên theo tật chính (tật khởi sinh hay khởi phát), không gọi tên của tật kèm theo (tật thứ sinh). Trong GDHN, chúng ta có thể gọi trẻ khuyết tật ngôn ngữ là trẻ có khó khăn về ngôn ngữ. Tương tự như vậy, chúng ta có trẻ khó khăn về nghe về nhìn, về vận động và về học (trẻ có tật trí tuệ hay trẻ chậm phát triển trí tuệ).

Có trẻ khiếm thính (khiếm khuyết về nghe), do không tiếp nhận được âm thanh nên đã ảnh hưởng tới khả năng ngôn ngữ, mặc dù cơ quan cấu âm của trẻ phát triển bình thường. Khuyết tật ngôn ngữ của trẻ khiếm thính như thế là do hậu quả của khuyết tật về nghe đem lại. Do vậy, không gọi những trẻ này là trẻ khuyết tật ngôn ngữ. Các em là những trẻ khiếm thính (khiếm khuyết về nghe). Tùy theo nguyên nhân mà để kết luận về khuyết tật của trẻ và chọn cách khắc phục phù hợp, hiệu quả. Để khắc phục khuyết tật cho những em này, cần kết hợp các phương pháp đặc thù giữa khắc phục khuyết tật về nghe và về ngôn ngữ. Tương tự như vậy, đối với trẻ tật trí tuệ (chậm phát triển trí tuệ), trong GDHN, chúng ta gọi các em là trẻ có khó khăn về học. Các em này cũng thường có khuyết tật kèm theo là khuyết tật ngôn ngữ. Các em có thể nói ngọng, nói lắp hay nói ra những tiếng, từ, câu không có nghĩa hay còn gọi là ngôn ngữ rỗng. Do vậy, khắc phục khuyết tật ngôn ngữ cho các em phải tiến hành đồng thời với việc phục hồi trí tuệ.



Trẻ khuyết tật ngôn ngữ sinh ra vẫn có trí tuệ bình thường, chỉ sau một thời gian vận động phát triển ngôn ngữ thì chức năng hoạt động của trí tuệ và các giác quan mới có thể bị ảnh hưởng xấu đi. Khuyết tật ngôn ngữ thường ảnh hưởng đến quá trình phát triển trí tuệ, nên thực hiện chiến lược can thiệp sớm tốt nhất là vào giai đoạn trẻ bắt đầu hình thành ngôn ngữ hay tập nói. Như thế, không những hạn chế được khuyết tật ngôn ngữ mà còn hạn chế được sự ảnh hưởng tới chức năng hoạt động của trí tuệ và các giác quan. Đặc điểm cơ bản của trẻ khuyết tật ngôn ngữ là các giác quan vẫn bình thường, trí lực có phần bị suy giảm, nhưng mọi hoạt động tự phục vụ và phục vụ vẫn bình thường. Do vậy, các em có khả năng học hòa nhập rất cao.

3. Tính chất của khuyết tật ngôn ngữ

Nếu tách khuyết tật ngôn ngữ ra khỏi đứa trẻ thì khuyết tật ngôn ngữ có 3 tính chất như sau:

- Khuyết tật ngôn ngữ đã xuất hiện thì không tự mất đi mà ngày càng tăng nặng.
- Khuyết tật ngôn ngữ không tương ứng với độ tuổi, có thể xảy ra ở trẻ em hay người lớn. Ở người lớn khuyết tật ngôn ngữ thường bền vững hơn ở trẻ em nên khó khắc phục. Do vậy, cần phát hiện sớm để tiến hành can thiệp sớm.
- Khuyết tật ngôn ngữ phải có sự can thiệp của giáo dục và y tế mới khắc phục được.

4. Các dạng và mức độ khuyết tật ngôn ngữ

4.1. Các dạng khuyết tật ngôn ngữ

Khuyết tật ngôn ngữ ở trẻ có nhiều dạng khác nhau, trong nghiên cứu khắc phục và dạy học cho trẻ, chúng tôi chia thành các dạng sau:

- Mất ngôn ngữ
- Không có ngôn ngữ
- Nói khó
- Nói ngọng
- Nói lắp
- Rối loạn giọng điệu
- Rối loạn đọc viết
- Chậm phát triển ngôn ngữ

Với mỗi dạng khuyết tật ngôn ngữ trên, lại có những biểu hiện khác nhau. Do vậy, cần xác định rõ để lựa chọn cách khắc phục phù hợp, hiệu quả.

4.2. Mức độ khuyết tật ngôn ngữ

Mức độ nặng: Khuyết tật ngôn ngữ nặng là những trường hợp khuyết tật gây ảnh hưởng trầm trọng, có thể làm mất khả năng giao tiếp của trẻ. Đó là những trường hợp bị mất ngôn ngữ, không

có ngôn ngữ và nói khó.

Mức độ nhẹ: Khuyết tật ngôn ngữ nhẹ là những trường hợp trẻ chỉ khó khăn trong giao tiếp, nhưng vẫn còn khả năng giao tiếp. Thường những trường hợp nhẹ là những trẻ mắc tật nói lắp, nói ngọng.

Trong tuổi học đường, những trẻ mắc tật nặng thường ít gặp, còn những trường hợp mắc tật nhẹ là rất phổ biến. Những trường hợp này thường gặp trong những năm đầu của tuổi tiểu học. Các em thường nói ngọng phụ âm và thanh điệu.

5. Ảnh hưởng của khuyết tật ngôn ngữ

Khuyết tật ngôn ngữ ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lí, nhân cách và học tập của trẻ. Các em thường ít nói, cảm thấy buồn, khó chịu, tủi thân hay xấu hổ với các bạn về khiếm khuyết của mình. Từ đó, sinh ra tính nhút nhát, tự ti, ngại giao tiếp, không thích tham gia các hoạt động tập thể. Trầm trọng hơn, ở các em có thể xuất hiện tính tự kỉ phân liệt trong đời sống tập thể học sinh (HS) nói riêng và cộng đồng nói chung.

Ngôn ngữ có quan hệ chặt chẽ với tất cả các quá trình tâm lí, hiện tượng tâm lí. Vì vậy, khi trẻ có khuyết tật ngôn ngữ sẽ làm cho các quá trình và hiện tượng này thay đổi. Trước hết là tri giác ngôn ngữ, muốn hiểu được ngôn ngữ của lời nói mà người khác diễn đạt, trẻ phải nghe được rõ ràng và hiểu được giá trị ngữ nghĩa của mỗi thành phần âm thanh. Khi bị khuyết tật ngôn ngữ, trẻ thường gặp khó khăn trong việc tri giác giá trị ngữ âm và ngữ nghĩa của lời nói. Sự sai lệch trong tri giác ngữ âm sẽ dẫn đến sự sai lệch trong cách hiểu ngữ nghĩa. Hiểu sai lệch ngữ nghĩa sẽ hình thành những biểu tượng sai trong mối quan hệ giữa âm thanh và ý nghĩa khái niệm. Sự sai lệch về ý nghĩa khái niệm trong sự tương ứng với ngôn ngữ làm sai lệch quá trình tư duy của trẻ. Như thế, sự sai lệch trong việc tri giác âm thanh cũng có nghĩa là sai lệch trong tiếp nhận thông tin. Sự tiếp nhận thông tin sai lệch sẽ tạo ra những phản ứng không phù hợp trước những kích thích ngôn ngữ. Điều đó gây ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giao tiếp của trẻ.

Ngôn ngữ giữ vai trò quan trọng trong quá trình ý chí của trẻ. Ở nhà trường, học sinh hoạt động theo những yêu cầu và chỉ dẫn của thầy, cô giáo. Đồng thời, dùng ngôn ngữ để đặt ra kế hoạch hành động cho mình. Trong quá trình đó, HS hướng hành vi của mình vào việc phục tùng nhưng mục tiêu, mục đích được diễn đạt bằng ngôn ngữ. Trong quan hệ tình cảm thầy trò, bạn bè ngôn ngữ có ý nghĩa đặc biệt. Bởi nhờ có

ngôn ngữ mà mọi người diễn đạt được tình cảm của mình. Thầy trò bạn bè hiểu được nhau, động viên, khích lệ được nhau thông qua lời nói. Vì vậy, khi HS có khuyết tật ngôn ngữ thường kéo theo những ảnh hưởng về ý chí, tình cảm và cuối cùng ảnh hưởng đến tính cách các em. Ở độ tuổi Mầm non, khuyết tật ngôn ngữ thường ít ảnh hưởng đến tính cách của trẻ. Nhưng bắt đầu từ tuổi tiểu học, thì ảnh hưởng ngày càng nặng hơn. Trẻ cảm thấy buồn khổ, tủi thân và ngày càng trầm lặng khép mình hơn.

Trẻ khuyết tật ngôn ngữ thường gặp rất nhiều khó khăn trong học tập, trước hết là học môn Ngữ văn (Văn và Tiếng Việt). Ở các lớp tiểu học, chúng ta gặp không ít những trường hợp chỉ vì nói ngọng mà lưu ban nhiều lần. Cũng có những trường hợp trẻ khuyết tật ngôn ngữ không được học ở các trường lớp bình thường nên bị thất học.

Trong nhà trường, hoạt động học tập của HS là một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Kết quả học tập của HS phụ thuộc vào nhiều mối quan hệ được hình thành trong quá trình học tập. Quan trọng nhất là mối quan hệ thầy trò, người giáo viên (GV) chủ yếu dùng ngôn ngữ nói và viết để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cho HS, hình thành những kĩ năng, kĩ xảo, những thái độ, tình cảm, nhân cách thích ứng trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập và ứng xử xã hội... Hiệu quả của hoạt động dạy học phụ thuộc rất nhiều vào khâu tiếp nhận và hiểu ngôn ngữ của HS. Nếu HS nghe không đúng sẽ không có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo... Mặt khác trong hoạt động dạy học, GV luôn cần biết sự phản hồi về quá trình nhận thức của HS bằng ngôn ngữ nói và viết của chính các em. Về mặt này, HS khuyết tật ngôn ngữ sẽ gặp khó khăn, các em không diễn đạt được. Do vậy, GV sẽ không đánh giá đúng được kết quả học của trò và kết quả dạy của thầy.

Như vậy, quá trình dạy học trong đó diễn ra hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò luôn luôn gắn với việc sử dụng ngôn ngữ (nói và viết) như một công cụ chủ yếu và quan trọng. Nếu ngôn ngữ của HS bị khiếm khuyết thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập, đặc biệt là khi học tập môn tiếng Việt.

6. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ

Hiện nay, theo con số điều tra của Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, trong cả nước có khoảng gần 200.000 trẻ khuyết tật ngôn

ngữ. Con số này nêu nhiệm vụ cần thiết chăm sóc, khắc phục khuyết tật và dạy học hoà nhập cho các em.

Ở nước ta, từ trước khi có GDHN, không có một cơ sở nào dành riêng cho chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ như cho trẻ khiếm thị, khiếm thính hay chậm phát triển trí tuệ. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ thường ra học hoà nhập tự nhiên, cho nên việc học tập được tồn tại đến bao giờ và như thế nào còn tùy thuộc vào nhà trường và địa phương nơi trẻ sinh sống và học tập.

Đến nay, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục đã nghiên cứu một chương trình dạy học hoà nhập cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ. Chương trình cung cấp, bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng dạy trẻ khuyết tật ngôn ngữ cho giáo viên và các cán bộ quản lí giáo dục. Đồng thời, chương trình này cũng đã được đưa vào giảng dạy ở các trường cao đẳng và đại học sư phạm, nhằm trang bị cho các GV tương lai một trình độ nhất định về dạy học hoà nhập cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ nói riêng và TKT nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học giáo dục, Trung tâm giáo dục trẻ có tật, *Nội dung phương pháp dạy trẻ có tật ngôn ngữ*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, Hà Nội 1993.
2. Viện Khoa học giáo dục, Trung tâm Tật học, *Giáo dục hoà nhập và cộng đồng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001.
3. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ngôn ngữ*, Tài liệu tập huấn giáo viên và cán bộ cốt cán, Hà Nội 2006.
4. Bệnh viện Bạch Mai, *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Y học, Hà Nội.
5. Bộ GD&ĐT, Số: 23/ 2006/ QĐ - BGDDT Quyết định Ban hành *Quy định về giáo dục hoà nhập cho người tàn tật, khuyết tật*, Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2006.

SUMMARY

The author presents issues on the concept of the child with speaking disability and the impact of this disability on his or her learning while dealing in brief with the status quo of education for children with speaking disability in Vietnam.